

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày 19-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Đức – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2020/HSST-QĐ ngày 02 tháng 03 năm 2020 đối với các bị cáo:

Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1984 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 6 Nguyễn Hồng Q, phường T, quận H thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1947; có chồng là Phạm Ngọc H sinh năm 1979 và 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/11/2019 đến nay; có mặt.

Nguyễn Thành C, sinh năm 1980 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 49/33 Dư H, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Vũ Thị T; có vợ là Dương Thị Như Q và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/11/2019 đến nay, có mặt.

Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2000 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT: Số 22 lô 1 Mặt Bằng, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; Nơi ở: Số 28/360 Tôn Đức Thắng, xã A, huyện D, thành phố Hải Phòng; nghề

nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không, Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/11/2019 đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn B, sinh năm 1965; vắng mặt.
- Anh Bùi Văn H, sinh năm 1980; vắng mặt
- Anh Lê Hải Nam, sinh năm 1984; vắng mặt.
- Chị Trần Thị Ngọc Anh, sinh năm 1991; vắng mặt.
- Chị Hoàng Thị Kim Anh, sinh năm 1989; vắng mặt.
- Anh Nguyễn Đức Thịnh, sinh năm 1984; vắng mặt.
- Anh Nguyễn Đình Khánh, sinh năm 2000; vắng mặt.
- Chị Đặng Thị Khánh Linh; sinh năm 1990; vắng mặt.
- Chị Vũ Thị Bộ, sinh năm 1985; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Đỗ Thị Phương M, chị Phạm Thị H, anh Trần Quốc Đ, anh Trần Văn T, anh Trần Anh T, anh Phạm Ngọc H; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Minh H là giám đốc C ty TNHH phát triển dịch vụ giải trí Huy Hoàng Anh, được thành lập vào tháng 7/2016, địa chỉ trụ sở ở số 14/221 phường T, quận L, Hải Phòng, đăng ký kinh doanh 18 ngành nghề, trong đó có ngành hoạt động cấp tín dụng là dịch vụ cầm đồ với mã ngành 6492. Khoảng cuối năm 2017, do việc kinh doanh quán ăn tại số 97 Bạch Đằng, phường H, quận H kém lợi nhuận, H nảy sinh ý định và bàn với Nguyễn Thành C về việc cho vay lãi nặng dưới hình thức cho vay cầm đồ, cho vay tín chấp và cho vay họ góp nhằm thu lợi từ tiền lãi vay của khách hàng. C đồng ý và được H giao nhiệm vụ tìm, thuê địa điểm mở quán. Tháng 5/2018, C thuê nhà số 166 Lương Khánh Thiện, phường C, quận N, Hải Phòng làm địa điểm và treo biển, in card visit, dán quảng cáo với tên quán “Cho vay cầm đồ, hỗ trợ tài chính Đại An Phát”. Ngoài ra H, C còn sử dụng thêm 03 địa điểm gồm: Số 16 Ký Con, phường, quận H, Hải Phòng; số 97 Bạch Đằng, phường H, quận H, Hải Phòng (quán ăn của H) và số 5 Đoạn Xá, phường Đ, quận A, Hải Phòng (địa chỉ văn phòng Công ty vận tải của Phạm Ngọc H - chồng H, sinh năm: 1979, nơi cư trú: Số 6 Nguyễn Hồng Q, phường T, quận H, Hải Phòng) làm nơi giao dịch với khách hàng vay tiền (riêng địa điểm 16 Ký Con do C thuê từ đầu tháng 3/2019, nhưng đến ngày

19/3/2019 thì bị Công an phường kiểm tra nên đã dừng hoạt động). Để có nguồn vốn cho vay tiền, H bỏ ra 600.000.000 đồng là tiền tiết kiệm cá nhân, vay của Nguyễn Thu H, sinh năm: 1978, ở số 09/288 Thiên Lô, phường V, quận L, Hải Phòng số tiền 350.000.000 đồng, vay của Vũ Thị T, sinh năm: 1978, địa chỉ: Do Nha, xã T, huyện A, Hải Phòng số tiền 110.000.000 đồng và vay của nữ giới tên Thúy (bạn của H, chưa xác định được nhân thân lai lịch) số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng.

Để thực hiện hoạt động cho vay nặng lãi, H giao cho C phụ trách chung, điều hành hoạt cho vay và quản lý nhân viên, với mức lương 6.000.000 đồng/tháng. Đồng thời thuê các nhân viên gồm: Nguyễn Ngọc A với mức lương 3.500.000 đồng/tháng và Trần Quốc Đ, sinh năm: 1987, nơi cư trú: số 33 Cao Thắng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng với mức lương không cố định (do Đ đang làm và hưởng lương tại Công ty vận tải của chồng H); Trần Văn T, sinh năm: 2000, nơi cư trú: số 33/211 An Dương, Lê Chân, Hải Phòng với mức lương 3.500.000 đồng/tháng và Trần Anh T, sinh năm: 2000, nơi cư trú: số 20C7, phường T, quận H, Hải Phòng với mức lương 3.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra thuê Đỗ Thị Phương M, sinh năm: 1976, nơi cư trú: số 1A/24/51 Phạm Tử Nghi, phường V, quận L, Hải Phòng làm kế toán với mức lương 2.000.000 đồng/tháng và nhờ Phạm Thị H, sinh năm: 1978, nơi cư trú: số 31/2 Hùng Duệ Vương, phường T, quận H, Hải Phòng (là chị chồng của H) kiểm soát số liệu thu, chi của các nhân viên. H sử dụng tài khoản zalo "Pham Ngoc H" tạo các nhóm chat trên ứng dụng zalo gồm các tài khoản zalo của C, A, T, T, H, M với tên nhóm: "Thu tiền 24h", "Cho vay tiền - số 16 Ký Con" và "166 Lương Khánh Thiện". Đồng thời H chỉ đạo M mua và đăng ký tài khoản mang tên "huyHnganh" trên phần mềm trực tuyến Mecash để quản lý việc cho vay lãi.

Hàng ngày, khi có khách đến vay tiền, C, A, T, T hoặc Đ đi xác minh nơi ở, nghề nghiệp của khách vay. Khi xác định khách có đủ điều kiện để vay tiền như có nơi ở rõ ràng, có nghề nghiệp đảm bảo việc trả tiền lãi, tiền họ thì C điện thoại hoặc nhắn tin thông báo để H quyết định. Sau đó, C hoặc Đ, A, T, T có nhiệm vụ làm hợp đồng cho khách vay. Hợp đồng được soạn sẵn, chỉ được lập 01 bản, do C giữ, khách hàng điền nội dung trong bản hợp đồng và ký tên xác nhận phía dưới. Thông tin khách, hình thức, số tiền vay được C, A, T, T nhắn tin lên các nhóm zalo để báo cáo H và để M nhập số liệu vào phần mềm Mecash với tên tài khoản "huyHnganh". Buổi chiều, C, A, T, T, Đ ở quán hoặc đến các địa chỉ khách vay hẹn để thu tiền lãi, tiền họ, sau đó ghi lại ra giấy, tổng hợp số tiền thu, chi trong ngày rồi chụp ảnh gửi lên một trong các nhóm zalo trên để báo cáo H. Lúc này, H có nhiệm vụ cộng, soát tổng số liệu thu, chi xem nhân viên cộng, trừ có đúng không. Tiền lãi, tiền họ thu của khách vay hàng ngày được các nhân viên nộp lại cho H vào buổi tối hoặc sáng hôm sau. Do lương thấp, khoảng tháng 11/2018, tháng 12/2018 và đầu tháng 3/2019, Trần Quốc Đ, Trần Anh T, Trần Văn T nghỉ việc.

Để quảng cáo hoạt cho vay, C giao cho A nhiệm vụ đi dán các tờ quảng cáo của cửa hàng tại các nơi C cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng vào buổi tối. Tối ngày 28/3/2019, A điều khiển xe máy mang BKS:15B3-349.92 đi dán các tờ quảng cáo tại khu vực đường Thiên Lôi, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng thì bị Cơ quan Công an phát hiện, kiểm tra thu giữ các tang vật có liên quan. Cùng ngày, biết việc A bị bắt giữ, C đã tiêu hủy toàn bộ hợp đồng vay tiền của khách hàng và máy vi tính Mai sử dụng để nhập dữ liệu vào phần mềm Mecash để tại cửa hàng. H đã giải tán các nhóm “Thu tiền 24h”, “ Cho vay tiền - số 16 Ký Con” và “166 Lương Khánh Thiện” và xóa toàn bộ dữ liệu liên quan trên ứng dụng zalo.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định trích xuất những dữ liệu liên quan của tài khoản "huyHnganh" trên phần mềm Mecash. Tại kết luận giám định số 62 ngày 20/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự C an thành phố Hải Phòng kết luận: Trích xuất toàn bộ tài khoản dữ liệu trong tài khoản “huyHnganh”, mật khẩu “16121979” trong phần mềm quản lý Mecash.vn gồm:

- Cầm đồ (Quản lý hợp đồng cầm đồ): Không có.
- Tín chấp (Quản lý vay lãi): 21 khách hàng.
- Trả góp (Quản lý vay họ): 47 khách hàng.
- Khách hàng: Danh sách khách hàng: 157 khách hàng; Khách hàng cần vay (Danh sách hồ sơ xin vay): 83 khách hàng.
- Quản lý cửa hàng: Tổng quát cửa hàng, chi tiết cửa hàng, cấu hình hàng hóa, danh sách cửa hàng, thông tin vốn ...
- Quản lý thu chi: Thu hoạt động (thu bất thường): Thời gian từ 01/4/2018 đến 02/4/2019: 86 khách hàng. Chi hoạt động (chi tiêu): Thời gian từ 01/4/2018 đến 02/4/2019: 100 khách hàng.
- Thống kê:
 - + Thu tiền lãi (báo cáo thu tiền lãi thời gian từ 01/4/2018 đến 01/4/2019): 928 khách hàng.
 - + Thu tiền họ: Thời gian từ 01/5/2018 đến 30/6/2018: 34 khách hàng. Thời gian từ 01/7/2018 đến 30/8/2018: 615 khách hàng. Thời gian từ 01/9/2018 đến 30/10/2018: 756 khách hàng. Thời gian từ 01/11/2018 đến 30/12/2018: 591 khách hàng. Thời gian từ 01/01/2019 đến 02/4/2019: 809 khách hàng.
- Báo cáo:
 - + Báo cáo đang cho vay: 68 khách hàng.
 - + Báo cáo chuộc đồ, đóng hợp đồng (báo cáo hàng cầm đồ được chuộc thời gian từ ngày 01/4/2018 đến 02/4/2019): 40 khách hàng.
 - + Tổng kết lợi nhuận (thời gian từ ngày 01/4/2018 đến 02/4/2019).

+ Báo cáo dòng tiền lưu chuyển theo ngày (thời gian từ 01/4/2018 đến 01/4/2019).

(Bút lục số 991 - 992). Có danh sách chi tiết kèm theo Kết luận giám định.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ được 09 người vay tiền. Đối chiếu với thống kê tại phần mềm Mecash các bị cáo sử dụng để quản lý làm rõ được như sau:

1. Ngày 22/9/2018, anh Phạm Văn B, sinh năm: 1965, nơi cư trú: số 2E1/613 Lê Thánh Tông, phường V, quận N, Hải Phòng đến cửa hàng Hỗ trợ tài chính ở số 5 Đoạn Xá vay số tiền 10.000.000 đồng dưới hình thức vay hộ góp, thỏa thuận trả trong 50 ngày, mỗi ngày trả 240.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương ứng lãi suất 146%/1năm. Anh B đã đóng được 28 ngày tương đương với số tiền 5.600.000 đồng tiền gốc và 1.120.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền thu lợi bất chính là 967.000 đồng. Số tiền gốc anh B còn nợ lại là 4.400.000 đồng.

2. Ngày 30/6/2018, anh Bùi Văn H, sinh năm: 1980, nơi cư trú: thôn Thượng Trang, xã B, huyện A, Hải Phòng đến quán Hỗ trợ tài chính Đại An Phát ở số 166 Lương Khánh Thiện vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương ứng 109,5%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 7.800.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính 7.657.534 đồng. Số tiền gốc anh H còn nợ lại là 10.000.000 đồng.

3. Ngày 12/3/2019, anh Lê Hải N, sinh năm: 1984, nơi cư trú: số 07 CT1 A9 Thái Phiên, Cầu Tre, Ngô Quyền, Hải Phòng đến quán Đại An Phát vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 60 ngày, mỗi ngày trả số tiền 600.000 đồng (gồm tiền gốc và lãi), tương ứng lãi suất 121,667%/1năm. Thực tế anh Lê Hải N đã đóng được 11,5 ngày với số tiền 6.900.000 đồng. Trong đó trả gốc là 5.750.000 đồng, tiền lãi đã thu là 1.150.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 960.958 đồng. Số tiền gốc anh N còn nợ lại là 24.250.000 đồng.

4. Ngày 29/7/2018, chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm: 1991, nơi cư trú: số 7C/110 Trại Chuối, Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng đến quán Đại An Phát vay số tiền 3.000.000 đồng dưới hình thức trả góp, thỏa thuận trong 36 ngày, mỗi ngày trả 100.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương ứng lãi suất 243,33%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 600.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính 550.684 đồng.

Lần hai, ngày 27/8/2018, chị Ngọc A vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận trong 50 ngày, mỗi ngày trả 120.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương đương lãi suất 146%/1năm. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 863.013 đồng.

Lần ba, ngày 16/10/2018, chị Ngọc A vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận trong 50 ngày, mỗi ngày trả 120.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương đương

lãi suất 146%/1năm. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 863.013 đồng.

Lần bốn, ngày 29/11/2018, chị Ngọc A vay 8.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong vòng 48 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương ứng lãi suất 152%/1năm. Chị Ngọc A đã trả được 34 ngày tương ứng với số tiền 6.800.000 đồng. Trong đó 5.666.666 đồng tiền gốc và 1.133.334 đồng tiền lãi, tiền thu lợi bất chính là 984.292 đồng. Số tiền gốc chị Ngọc A còn nợ lại là 2.333.334 đồng.

5. Ngày 12/10/2018, chị Hoàng Thị Kim A, sinh năm: 1989, nơi cư trú: số 8 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng đến cửa hàng Đại An Phát vay số tiền 5.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, trong vòng 50 ngày, mỗi ngày chị Kim A phải trả 120.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương ứng lãi suất 146%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 863.013 đồng.

Lần hai, ngày 14/11/2018, chị Kim A vay 8.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 48 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương ứng lãi suất 152,08%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 1.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 1.389.590 đồng.

Lần ba, ngày 11/12/2018, chị Kim A vay 8.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong vòng 48 ngày như lần 2, tương đương lãi suất 152,08%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 1.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 1.389.590 đồng.

Lần bốn, ngày 05/01/2019, chị Kim A vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong vòng 50 ngày, mỗi ngày trả 240.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương ứng lãi suất 146%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 1.726.028 đồng.

Lần năm, ngày 15/02/2019, chị Kim A vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong vòng 50 ngày như lần 4, tương ứng lãi suất 146%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 1.726.028 đồng.

Lần sáu, ngày 13/3/2019, chị Kim A vay số tiền 10.000.000 đồng, cũng thỏa thuận phương thức trả như lần 4, tương ứng lãi suất 146%/1năm. Chị Kim A đã đóng được 13 ngày tương ứng với số tiền 3.120.000 đồng. Trong đó 2.600.000 đồng tiền gốc và 520.000 đồng tiền lãi, tiền thu lợi bất chính 448.768 đồng. Số tiền gốc chị Kim A còn nợ lại là 7.400.000 đồng.

6. Ngày 28/12/2018, anh Nguyễn Đức T, sinh năm: 1984, nơi cư trú: số 442 Tô Hiệu, Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng đến quán Đại An Phát vay số tiền 10.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, ngày 17/01/2019, anh Thịnh đã trả cả tiền gốc và lãi là 11.000.000 đồng, tương ứng lãi suất 182,5%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 890.411 đồng.

Lần hai, ngày 12/02/2019, anh T vay 20.000.000 đồng, với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương ứng 146%/1năm. Tổng số tiền lãi anh T đã đóng là 3.900.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 3.365.754 đồng. Số tiền gốc 20.000.000 đồng anh T chưa trả lại cho các bị cáo.

7. Ngày 24/12/2018, anh Nguyễn Đình K, sinh năm: 2000, nơi cư trú: số 35/100 Hoàng Văn Thụ, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng đến quán Đại An Phát vay số tiền 6.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, trong 60 ngày, mỗi ngày anh K trả 120.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương đương lãi suất 121,67%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 1.200.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 1.002.740 đồng.

- Lần hai, ngày 18/02/2019, anh K vay 6.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 60 ngày, mỗi ngày trả 120.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương đương lãi suất 121,67%/1năm. Anh K đã đóng được 36 ngày tương đương với số tiền 4.320.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 3.600.000, tiền lãi là 720.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 601.644 đồng. Số tiền gốc anh Nguyễn Đình K chưa trả cho các bị cáo là 2.400.000 đồng.

8. Ngày 16/10/2018, chị Đặng Thị Khánh L, sinh năm: 1990, nơi cư trú: số 17/133 Lương Khánh Thiện, Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng đến quán Đại An Phát vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 60 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng (gồm cả tiền gốc và tiền lãi), tương đương lãi suất 121,67%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 6.000.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 5.013.699 đồng.

- Lần hai, ngày 25/11/2018, chị L vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận như lần 1, tương đương lãi suất 121,67%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 6.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 5.013.699 đồng.

- Lần ba, ngày 22/01/2019, chị L vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận như lần 1, tương đương lãi suất 121,67%/1năm. Tổng tiền lãi đã thu là 6.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 5.013.699 đồng.

- Lần bốn, ngày 19/3/2019, chị L vay 60.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 60 ngày, mỗi ngày trả 1.200.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương đương lãi suất 121,67%/1năm. Chị L đã trả được 09 ngày tương đương với số tiền 10.800.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi đã thu là 800.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 504.109 đồng. Số tiền gốc chị Đặng Thị Khánh L chưa trả lại cho các bị cáo là 50.000.000 đồng.

9. Ngày 20/9/2018, chị Vũ Thị B, sinh năm: 1985, nơi cư trú: số 40/5 Phạm Phú Thứ, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng đến số 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng vay số tiền 25.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, trong vòng 75 ngày, mỗi ngày chị B trả 400.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương đương lãi suất 97,333%/1năm.

- Lần hai, ngày 25/3/2019, chị B vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 60 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng (gồm cả tiền gốc và lãi), tương đương lãi suất 121,667%/năm. Chị B đã đóng được 03 ngày tương ứng với số tiền 1.200.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.000.000 đồng, tiền lãi đã là 200.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 167.124 đồng. Số tiền gốc chị Vũ Thị B chưa trả lại là 19.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền các đối tượng cho 09 người trên vay là: 334.000.000 đồng. Số tiền gốc đã thu về là 194.216.666 đồng, số tiền gốc những người vay còn nợ lại là 139.783.334 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 48.343.334 đồng, trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/năm theo quy định của pháp luật là 6.380.944 đồng, tổng số tiền lãi các đối tượng đã thu lợi bất chính là 41.962.390 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKS-P3 ngày 15 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Minh H, Nguyễn Thành C và Nguyễn Ngọc A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Minh H, Nguyễn Thành C và Nguyễn Ngọc A đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo H và C thống nhất khai nhận ngoài tiền lương hàng tháng, bị cáo C còn được hưởng 1000 đồng/1.000.000 đồng tiền cho vay. Bị cáo H tự nguyện chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với khoản tiền mà C được hưởng lợi do C là người làm thuê và H không nhớ đã chia cho C bao nhiêu từ việc thu lợi bất chính. Ngoài ra H và C còn khai nhận gia đình có C với Cách mạng, tuy nhiên các bị cáo không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai trên của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 35; Điều 99 Bộ luật hình sự: Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Thị Minh H từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thành C từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ các Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Minh H phải nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 194.216.666 đồng tiền gốc dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi 48.343.334 đồng thu lợi từ việc phạm tội mà có. Đồng thời, buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền vào ngân sách nhà nước cụ thể như sau: Anh Phạm Văn B phải nộp lại số tiền 4.400.000 đồng; anh Bùi Văn H phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; anh Lê Hải N phải nộp lại số tiền 24.250.000 đồng; chị Trần Thị Ngọc A phải nộp lại số tiền 2.333.334 đồng; chị Hoàng Thị Kim A phải nộp lại số tiền 7.400.000 đồng; anh Nguyễn Đức T phải nộp lại số tiền 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Đình K phải nộp lại số tiền 2.400.000 đồng; chị

Đặng Thị Khánh L phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng; chị Vũ Thị B phải nộp lại số tiền 19.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đề nghị theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị Minh H, Nguyễn Thành C, Nguyễn Ngọc A tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong thời gian từ khoảng tháng 5/2018 đến tháng 4/2019, các bị cáo Nguyễn Thị Minh H, Nguyễn Thành C và Nguyễn Ngọc A đã thực hiện hành vi cho cho 09 người vay lãi nặng với tổng số tiền gốc là 334.000.000 đồng, với mức lãi suất đều cao hơn gấp 5 lần so với mức lãi suất do Bộ luật Dân sự qui định tại Điều 468 về lãi suất vay là: "*không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*". Tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu được là 48.343.334 đồng, trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/năm (6.380.944 đồng) theo quy định của pháp luật, tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu lợi bất chính là 41.962.390 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng số 08/CT-VKS-P3 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Minh H, Nguyễn Thành C và Nguyễn Ngọc A về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính. Các hành vi cho vay nặng lãi hiện đang là vấn nạn nhức nhối cho xã hội, làm phát sinh các loại tội phạm liên quan đến trật tự trị an, xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người dân. Do đó, cần phải xét xử nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết định khung:

[4] Các bị cáo Nguyễn Thị Minh H, Nguyễn Thành C và Nguyễn Ngọc A đã có hành vi cho 09 người vay theo các hợp đồng vay lãi và vay họ góp có mức lãi suất từ 109,5% đến 243,33%/năm, cao hơn gấp 05 lần trở lên so với mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính số tiền 41.962.390 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo bị xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Về vai trò của các bị cáo:

[5] Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thị Minh H là người khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu, chuẩn bị phương tiện phạm tội. Bị cáo đã bàn bạc với Nguyễn Thành C về việc cho vay lãi nặng dưới hình thức cầm đồ, cho vay tín chấp và cho vay họ góp. Bị cáo H trực tiếp điều hành, chỉ đạo, trả tiền cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo Nguyễn Thị Minh H có vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Ngọc A.

[6] Bị cáo Nguyễn Thành C có vai trò đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Nguyễn Thị Minh H. Bị cáo C phụ trách chung, điều hành hoạt động cho vay đồng thời thuê các nhân viên để thực hiện hành vi cho vay nặng lãi. Bản thân C cũng được hưởng lợi 1000 đồng/1.000.000 đồng tiền cho vay lãi. Khi bị phát hiện đã nhanh chóng tiêu hủy chứng cứ, tài liệu gây khó khăn cho cơ quan điều tra.

[7] Bị cáo Nguyễn Ngọc A có vai trò giúp sức cho các bị cáo H, C. Bị cáo A hàng ngày trực tiếp mở cửa hàng, đi thu nợ của người vay, dán các tờ rơi quảng cáo nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội.

[8] Như vậy, xét về vai trò của bị cáo Nguyễn Thành C có vai trò thấp hơn bị cáo Nguyễn Thị Minh H nhưng cao hơn bị cáo Nguyễn Ngọc A. Bị cáo Nguyễn Ngọc A có vai trò thấp nhất trong vụ án.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[9] Các bị cáo Nguyễn Thị Minh H, Nguyễn Thành C và Nguyễn Ngọc A đều chưa có tiền án tiền sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Minh H và Nguyễn Thành C khai gia đình có C với cách mạng. Tuy nhiên các bị cáo không xuất trình được tài

liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về hình phạt:

[10] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tiền là tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[11] Bị cáo Nguyễn Ngọc A khi bắt đầu thực hiện hành vi phạm tội (vào tháng 5 năm 2018) là người chưa thành niên nhưng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội cho đến khi bị cáo bị phát hiện, xử lý thì bị cáo đã thành niên. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 99 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[12] *Đối với việc xử lý phương tiện phạm tội (khoản tiền cho vay):* Căn cứ hướng dẫn tại C văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về xử lý khoản tiền gốc (khoản tiền cho vay) và tiền lãi trong tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thì đối với khoản tiền gốc 334.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị Minh H dùng để cho 09 người vay nhằm mục đích thu lãi nặng là khoản tiền dùng vào việc phạm tội nên phải tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, đối với số tiền gốc này những người vay chưa trả lại hết cho bị cáo. Do đó, cần buộc bị cáo Nguyễn Thị Minh H phải nộp lại số tiền gốc đã thu lại của các người vay là 194.216.666 đồng. Đồng thời, buộc những người có quyền lợi liên quan phải nộp khoản tiền gốc đã vay nhưng chưa trả bị cáo để sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau: Anh Phạm Văn B phải nộp lại số tiền 4.400.000 đồng; anh Bùi Văn H phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; anh Lê Hải N phải nộp lại số tiền 24.250.000 đồng; chị Trần Thị Ngọc A phải nộp lại số tiền 2.333.334 đồng; chị Hoàng Thị Kim A phải nộp lại số tiền 7.400.000 đồng; anh Nguyễn Đức T phải nộp lại số tiền 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Đình K phải nộp lại số tiền 2.400.000 đồng; chị Đặng Thị Khánh L phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng; chị Vũ Thị B phải nộp lại số tiền 19.000.000 đồng.

[13] *Đối với việc xử lý khoản tiền thu lợi bất chính:* Tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu được là 48.343.334 đồng, trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/năm theo quy định của pháp luật là 6.380.944 đồng, tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu lợi bất chính là 41.962.390 đồng. Trong đó bị cáo C được hưởng lợi 1000 đồng/1.000.000 đồng tiền cho vay lãi tín chấp. Đối với số tiền thu lợi bất chính cần trả lại cho những người liên quan. Tuy nhiên, những người liên quan không có yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền này nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Các bị cáo H và C cùng hưởng lợi từ số tiền thu lợi bất chính, tuy nhiên tại phiên tòa, H và C đều khai nhận không nhớ chính xác số tiền C được hưởng lợi và bị cáo H tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Do đó,

Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo Nguyễn Thị Minh H phải nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 41.962.390 đồng.

[14] *Đối với việc xử lý khoản tiền phát sinh từ tội phạm:* Đối với khoản tiền lãi 6.380.944 đồng không vượt quá 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- *Về xử lý vật chứng:*

[15] Đối với 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu đen, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus vỏ màu ghi của Nguyễn Ngọc A và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung vỏ màu vàng của Đỗ Thị Phương M là công cụ để bị cáo Nguyễn Ngọc A và người làm chứng Đỗ Thị Phương M dùng để liên lạc trong quá trình các bị cáo H, C, A thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[16] Đối với 24 tờ quần cáo in chữ “Đại An Phát cho vay tiền, điện thoại 0899266012”; một số mẫu giấy mượn tiền tín chấp có thỏa thuận hai bên, mẫu hợp đồng mua bán xe của C ty TNHH phát triển dịch vụ giải trí Huy Hoàng Anh; một số giấy tờ liên quan đến hợp đồng lao động, xác nhận bảng lương và một số giấy tờ khác, Hội đồng xét xử xét thấy số vật chứng trên nhằm phục vụ cho việc cho vay nặng lãi của các bị cáo và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[17] Đối với 01 chiếc xe máy Honda Airblade biển kiểm soát 15B3-349.92 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Ngọc T, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Đối với 01 dao găm, 01 dùi cui và 06 tuýp sắt thu giữ của Nguyễn Ngọc A, Cơ quan điều tra đã tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Đối với Đỗ Thị Phương M là kế toán do bị can H thuê, theo sự chỉ đạo của H đã mua, đăng ký, quản lý tài khoản "huyHnganh" trên phần mềm Mecash, hàng ngày nhập thông tin khách hàng vay, hình thức, số tiền vay; Phạm Thị H là chị chồng của H có hành vi giúp H kiểm soát số liệu thu, chi từ việc cho vay hàng ngày của nhân viên tại cửa hàng Đại An Phát. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định Mai và Huệ không được bàn bạc và không biết cụ thể về mức lãi suất cho vay, không biết việc cho vay với lãi suất là cao, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[20] Các đối tượng Trần Quốc Đ, Trần Anh T, Trần Văn T biết việc cho vay với lãi suất cao hơn nhiều lần pháp luật cho phép là vi phạm pháp luật, thực hiện hành vi tích cực theo sự phân C của H và C nhưng đã nghỉ việc trước thời điểm Cơ quan Công an phát hiện, kiểm tra. Cơ quan điều tra đã làm rõ được 09 người vay tiền, trong đó Đ trực tiếp thực hiện việc cho anh B, anh T vay với tổng số tiền 40.000.000 đồng, giúp sức cho H thu lợi bất chính số tiền 5.012.000

đồng; T trực tiếp thực hiện việc cho chị Ngọc A, chị Kim A, anh K vay với tổng số tiền 78.000.000 đồng, giúp sức cho H thu lợi bất chính số tiền 11.806.759 đồng, đều chưa đủ 30.000.000 đồng; Đối với Trần Anh T không thực hiện cho 09 người vay tiền trên. Vì vậy, hành vi của Trần Quốc Đ, Trần Anh T và Trần Văn T không đủ cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là có căn cứ.

[21] Đối với Phạm Ngọc H là chồng của H, không được H bàn bạc về việc cho vay lãi nặng, không biết lãi suất cho vay cụ thể như nào, không biết việc H cho vay với lãi suất là cao, vi phạm pháp luật. Bản thân không có vai trò gì trong việc cho vay lãi nặng của H, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[22] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án:* Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 35; Điều 99 Bộ luật hình sự:

+ Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Minh H 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thành C 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Phạt tiền bị cáo Nguyễn Ngọc A 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Minh H phải nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền cho vay là 194.216.666 (*Một trăm chín mươi tư triệu, hai trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu*) đồng và số tiền lãi 48.343.334 (*Bốn mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư*) đồng thu lợi từ việc phạm tội mà có.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo H vào ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

+ Anh Phạm Văn B phải nộp lại số tiền 4.400.000 (*Bốn triệu, bốn trăm nghìn*) đồng;

+ Anh Bùi Văn H phải nộp lại số tiền 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng;

+ Anh Lê Hải N phải nộp lại số tiền 24.250.000 (*Hai mươi tư triệu, hai trăm năm mươi nghìn*) đồng;

+ Chị Trần Thị Ngọc A phải nộp lại số tiền 2.333.334 (*Hai triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư*) đồng;

+ Chị Hoàng Thị Kim A phải nộp lại số tiền 7.400.000 (*Bảy triệu, bốn trăm nghìn*) đồng;

+ Anh Nguyễn Đức T phải nộp lại số tiền 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng;

+ Anh Nguyễn Đình K phải nộp lại số tiền 2.400.000 (*Hai triệu, bốn trăm nghìn*) đồng;

+ Chị Đặng Thị Khánh L phải nộp lại số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng;

+ Chị Vũ Thị B phải nộp lại số tiền 19.000.000 (*Mười chín triệu*) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền thu lợi bất chính thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu đen số imei 354492099187537, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu ghi số imei 354393062568069 của Nguyễn Ngọc A và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng số imei 358465090205744/01 của Đỗ Thị Phương Mai.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 tập mẫu hợp đồng mua bán xe của C ty TNHH phát triển dịch vụ giải trí Huy Hoàng Anh; 01 tập mẫu giấy mượn tiền tín chấp có thỏa thuận hai bên; 01 tập card visit có in nội dung: Hỗ trợ tài chính – Đại An Phát; 01 tập giấy dán quảng cáo in nội dung “Đại An Phát cho vay tiền, điện thoại 0899266012”; 02 tờ giấy hợp đồng lao động, xác nhận bảng lương.

(Chi tiết được thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

4. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Minh H, Nguyễn Thành C và Nguyễn Ngọc A mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về vA đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 C anTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình